

Số: *36* /2022/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày *09* tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cấp địa phương áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, xây dựng, thẩm định, ban hành

định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục và đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp trung học cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp trung học phổ thông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1519/TTr-SGDĐT ngày 08 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập (*sau đây viết tắt là cơ sở giáo dục công lập*); Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nội vụ, Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Định mức kinh tế - kỹ thuật cấp địa phương áp dụng đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

1. Định mức lao động

- a) Định mức lao động đối với giáo dục mầm non: Phụ lục 01.
- b) Định mức lao động đối với giáo dục tiểu học: Phụ lục 02.
- c) Định mức lao động đối với giáo dục trung học cơ sở: Phụ lục 03.
- d) Định mức lao động đối với giáo dục trung học phổ thông: Phụ lục 04.
- đ) Định mức lao động đối với giáo dục thường xuyên: Phụ lục 05.

2. Định mức thiết bị, vật tư

- a) Định mức thiết bị, vật tư đối với giáo dục mầm non: Phụ lục 06.
- b) Định mức thiết bị, vật tư đối với giáo dục tiểu học: Phụ lục 07.
- c) Định mức thiết bị, vật tư đối với giáo dục trung học cơ sở: Phụ lục 08.
- d) Định mức thiết bị, vật tư đối với giáo dục trung học phổ thông: Phụ lục 09.
- đ) Định mức thiết bị, vật tư đối với giáo dục thường xuyên: Phụ lục 10. ✍

3. Trường hợp cơ sở giáo dục công lập tổ chức thực hiện chương trình giáo dục khác với các định mức kinh tế - kỹ thuật tại Quyết định này thì vận dụng định mức trên và điều kiện thực tế để đề xuất định mức kinh tế - kỹ thuật cho phù hợp.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Các cơ quan, cơ sở giáo dục công lập sử dụng nguồn kinh phí của cơ quan, đơn vị mình để thực hiện xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 4. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Định kỳ rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với cơ sở giáo dục công lập bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế và quy định hiện hành.

b) Hướng dẫn việc xây dựng và thẩm định định mức kinh tế - kỹ thuật của các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật theo Quyết định này.

c) Theo dõi, tổng hợp và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật tại các cơ sở giáo dục công lập gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 20 tháng 12 hằng năm.

2. Sở Tài chính, Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện xây dựng, điều chỉnh, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật cấp địa phương áp dụng đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

3. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố

a) Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, các phòng, ban chuyên môn liên quan hướng dẫn việc xây dựng và thẩm định định mức kinh tế - kỹ thuật của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật tại Quyết định này.

b) Định kỳ rà soát, đề nghị điều chỉnh, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với cơ sở giáo dục công lập đã ban hành bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và quy định hiện hành.

4. Các cơ sở giáo dục công lập

a) Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật tại Quyết định này, xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật của cơ sở giáo dục.

b) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2022. 

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ sở giáo dục công lập; các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về pháp luật);
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX^{ph}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Văn